TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **203**/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 207/2019/TLST-VDS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A đường T, Tổ B, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Số A đường T, Tổ B, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số D đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 25/4/2019 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T, ông Nguyễn Nhật T và bà Trương Thị Hồng C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T và bà C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà C thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 18/8/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/10/2017 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thỏa thuận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật T và bà Trương Thị Hồng C thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2014 ngày 08/3/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Nhật T và bà Trương Thị Hồng C).

- Về con chung: Ông Nguyễn Nhật T và bà Trương Thị Hồng C thỏa thuận thống nhất như sau:

+ Giao con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 18/8/2014 cho ông Nguyễn Nhật T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 30/10/2017 cho bà Trương Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhật T và bà Trương Thị Hồng C mỗi người phải nộp 150.000[đ] (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016-0033843 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Chung